TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN H** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/DS-ST
Ngày: 02/6/2023
"V/*v:Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H – THÀNH PHỐ HÀ NỘI.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**:** Ông **Nguyễn Xuân Phương.**

Hội thẩm nhân dân: - Bà **Lương Mai Ngân**.

- Bà **Nguyễn Anh Thư.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Đỗ Duy Trung** – Thư ký Tòa án.

Đại diện VKSND quận H tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tư** – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 123/2022/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/QĐXX ngày 19/4/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 47 ngày 11/5/2023; về việc *"Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng"* giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Ngân hàng TNHH MTV S.

Trụ sở: Tầng trệt, tầng lửng, phường Đ, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông KANG GEWWON- Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông YOO SEOK JONG – Theo giấy ủy quyền ngày 04/4/2022

Người được ủy quyền lại: Ông Lỗ Đức Thuận, ông Vũ Ngọc Ba, ông Nguyễn Anh Đức – theo giấy ủy quyền số 52 ngày 18/4/2023. Có mặt.

*** Bị đơn:** Bà Vũ Thanh T, sinh năm 1991. Vắng mặt

Địa chỉ: Số 240, đường G, phường G, quận H, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản tố tụng khác, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TNHH MTV S trình bày:

Ngày 14/6/2019 Ngân hàng TNHH MTV S cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng thẻ tín dụng cho bà Vũ Thanh T, số thẻ tín dụng là 4696730000567688 với hạn mức 120.000.000 đồng.

Theo quy định phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng TNHH MTV S thì khách hàng phải điền các thông tin vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân Shinhan kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và cung cấp CCSD, sổ hộ khẩu bản phô tô đối chiếu bản gốc.

Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng đứng tên bà Vũ Thanh T với hạn mức 120.000.000 đồng, lãi suất được tín tại thời điểm sử dụng thẻ. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà Thủy đã sử dụng 479.899.999đ và đã thanh toán được 393.830.510đ, và bắt đầu quá hạn vào ngày 20/3/2020. Ngân hàng đã chuyển và tính lãi tính đến ngày 28/6/2021, bà Thủy tổng dư nợ khoản chi tiêu thẻ tín dụng tại Ngân hàng TNHH MTV S là 145.541.083 đồng, trong đó gốc: 100.881.394 đồng, lãi: 41.579.779 đồng, nợ phí trả chậm: 3.079..910 đồng.

Nay Ngân hàng TNHH MTV S đề nghị Tòa án buộc bà Vũ Thanh T phải trả cho ngân hàng số tiền tính đến ngày 28/6/2021 là 145.541.083 đồng

Bà Thủy còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn quy định cho đến ngày trả xong nợ.

Trường hợp bà Thủy không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, đề nghị Tòa án tuyên ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án buộc bà Vũ Thanh T thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng

Buộc bà Vũ Thanh T phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí.

- *Đại diện VKSND quận H tham gia phiên tòa*, phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và việc tuân theo pháp luật của các đương sự; Đồng thời đề xuất hướng giải quyết vụ án như sau:

+ Việc thụ lý vụ án của Tòa án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện việc giao thông báo của Tòa án cho các đương sự, tiến hành các bước tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn giải quyết vụ án đúng quy định.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự tố tụng.

+ Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành các thông báo của Tòa án. Bị đơn không chấp hành và đều vắng mặt.

Đề xuất hướng giải quyết vụ án:

Căn cứ trình bày của các đương sự, tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xác định hợp đồng tín dụng theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng không có tài sản bảo đảm ngày 14/6/2019 và các văn bản tín dụng kèm theo, các giấy nhận nợ và hợp đồng bảo lãnh đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật do vậy có hiệu lực thi hành với các bên.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền nợ gốc, tiền lãi. Tổng số nợ gốc và nợ lãi phát sinh tính từ ngày 20/3/2020 đến ngày 28/6/2021 của bà Vũ Thanh T là: 145.541.083 đồng *(Một trăm bốn lăm triệu, năm trăm bốn mốt nghìn, không trăm tám mươi ba đồng).*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa. Sau phần hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về tố tụng: Ngân hàng TNHH MTV S khởi kiện bà Vũ Thanh T theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng đã được ký ngày 14/6/2019; bà Vũ Thanh T có địa chỉ cư trú tại: Số 240, đường G, phường G, quận H, Thành phố Hà Nội. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết Toà án nhân dân quận H đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn bà Vũ Thanh T, tuy nhiên bà Vũ Thanh T không đến Tòa trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TNHH MTV S và các buổi làm việc bà Vũ Thanh T đều vắng mặt không có lý do, nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Vì vậy Tòa án nhân dân quận H ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

{2}. Về nội dung vụ án:

{2.1}. Về hình thức của hợp đồng: Căn cứ lời trình bày của đương sự, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngân hàng TNHH MTV S và bà Vũ Thanh T có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Ngân hàng đã cấp cho bà Thủy 01 Thẻ tín dụng số: 4696730000567688; loại thẻ thẻ tín dụng quốc tế; hạn mức: 120.000.000 đồng, với mục đích sử dụng tiêu dùng cá nhân: Được xác định theo mức lãi suất do Ngân hàng quy định theo từng thời kỳ.

Hội đồng xét xử nhận thấy theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng được giao kết giữa hai bên có hình thức, nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý ràng buộc quyền, nghĩa vụ giữa các bên. Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 14/6/2019 đính kèm

Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TNHH MTV S được phát hành và quản lý bởi Ngân hàng có hiệu lực từ ngày 14/6/2019, tóm tắt sao kê, Biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ tín dụng mà Nguyên đơn cung cấp, lời trình bày của nguyên đơn có cơ sở để xác định bị đơn đã được nguyên đơn đồng ý cấp thẻ tín dụng số: 4696730000567688 loại thẻ tín dụng quốc tế. Hai bên thỏa thuận về lãi suất, phí, phương thức thanh toán theo những điều khoản quy định tại Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng; là hoàn toàn tự nguyện, các điều khoản hai bên thỏa thuận trong hợp đồng đều đáp ứng đủ điều kiện chủ thể ký kết hợp đồng và phù hợp với nội dung quy định tại Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010. Nội dung trong hợp đồng không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật, do vậy Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 14/6/2019 có hiệu lực pháp luật và các bên phải có nghĩa vụ chấp hành.

{2.2} Quá trình thực hiện Hợp đồng:

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 20/3/2020 bà Thủy không thanh toán cho Ngân hàng là vi phạm không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TNHH MTV S kể từ ngày 20/3/2020. Do đó, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là đúng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Điều 280; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Sau khi xem xét bảng tính lãi xuất do Ngân hàng cung cấp tính đến ngày 28/6/2021, Ngân hàng yêu cầu bà Vũ Thanh T phải thanh toán tổng số tiền là: là 145.541.083 đồng, trong đó gốc: 100.881.394 đồng, lãi: 41.579.779 đồng, nợ phí trả chậm: 3.079..910 đồng.; Hội đồng xét xử thấy theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng của các bên và căn cứ tính lãi của ngân hàng là đúng quy định tại Bộ luật dân sự năm 2005. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TNHH MTV S đối với số tiền là 145.541.083 đồng, trong đó gốc: 100.881.394 đồng, lãi: 41.579.779 đồng, nợ phí trả chậm: 3.079..910 đồng của bà Vũ Thanh T theo hợp đồng tín dụng không có tài sản bảo đảm ngày 14/6/2019 và các văn bản tín dụng kèm theo đã ký kết giữa hai bên là phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án sơ thẩm, bà Vũ Thanh T phải chịu lãi suất của số tiền nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết khoản nợ vay.

{2.3} Về án phí và quyền kháng cáo: Bà Vũ Thanh T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại tiết b điểm 1.3 Mục II, Phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà Vũ Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 145.541.083đ x 5% = 7.227.000đ (Bảy triệu, hai trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Ngân hàng TNHH MTV S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng TNHH MTV S 3.638.500đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0050949 ngày 29/11/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận H, Thành phố Hà Nội.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 280; Điều 351; Điều 357; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 1 Điều 157 Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ điểm b khoản 1.3 Mục II, Phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TNHH MTV S.

Buộc bà Vũ Thanh T phải trả Ngân hàng TNHH MTV S khoản tiền tính đến ngày 28/6/2021 là: 145.541.083đ (Một trăm bốn lăm triệu, năm trăm bốn mốt nghìn, không trăm tám mươi ba đồng), trong đó gốc: 100.881.394 đồng, lãi: 41.579.779 đồng, nợ phí trả chậm: 3.079.910 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Về án phí:

Bà Vũ Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.227.000đ (Bảy triệu, hai trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Trả lại Ngân hàng TNHH MTV S 3.638.500đ (Ba triệu, sáu trăm ba mươi tám nghìn, năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp

theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0050949 ngày 29/11/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận H, Thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TNHH MTV S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Vũ Thanh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND quận H;
- Chi cục THA dân sự quận H;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Xuân Phương